

Tiếp cận chức năng trong nghiên cứu xã hội học

VŨ TUẤN HUY

Tiếp cận chức năng là một trong những mô hình nghiên cứu xã hội học mang tính lý thuyết, phương pháp luận hơn là những phương pháp cụ thể để thu thập thông tin xã hội học. Tính lý thuyết của nó biểu hiện ở chỗ nó trả lời câu hỏi: “Vấn đề xã hội nào sẽ được nghiên cứu và liên quan đến câu hỏi đó là những thông tin gì sẽ được thu thập?” Nó chỉ ra các chiều của sự kiện xã hội, ở những quy mô khác nhau. Đó có thể là toàn bộ xã hội như một tổng thể, hoặc một thiết chế, một nhóm. Vì vậy, tiếp cận chức năng là cái khung để thu thập thông tin xã hội học đồng thời là khung lý thuyết để giải thích các hiện tượng xã hội đó.

Tiếp cận chức năng bắt đầu với ý tưởng là bất kỳ một hệ thống ổn định nào cũng bao gồm một số các bộ phận khác nhau, nhưng liên hệ qua lại với nhau và cùng hoạt động tạo nên sự cân bằng của toàn bộ hệ thống. Mỗi bộ phận tồn tại trong hệ thống không thể chỉ vì nó tồn tại. Nó phải có chức năng nào đó góp phần vào sự ổn định của hệ thống. Đó là các chức năng tích cực (positive function). Đương nhiên, các bộ phận khác nhau trong hệ thống có tầm quan trọng khác nhau về mặt chức năng (functional importance).

Thuyết chức năng của Talcott Parsons được phát triển vào cuối những năm 1930 với quan niệm rằng xã hội là một hệ thống có cấu trúc phức tạp với nhiều bộ phận liên quan với nhau ở nhiều cấp độ. Các cấp độ chủ yếu là 1) hữu cơ; 2) nhân cách; 3) cấu trúc; 4) văn hóa. Parsons cho rằng sự nhất trí cao giữa các thành viên của nhóm là lực lượng chủ yếu tạo nên sự ổn định của xã hội như một hệ thống nói chung. Các thành viên xã hội học được xã hội hóa theo những chuẩn mực và giá trị bên trong của nhóm. Những hành vi lệch chuẩn tạo nên sự bất ổn định của nhóm được xem là những yếu tố bên ngoài.

Nhấn mạnh đến quan điểm này, thuyết chức năng của Parsons khó có thể giải thích những vấn đề như hành vi tội phạm, hiện tượng nghèo khổ và những hành vi lệch chuẩn khác vẫn tồn tại dai dẳng trong các xã hội. Và nếu như nó là một bộ phận trong cơ cấu xã hội thì việc giải thích các chức năng của nó sẽ mâu thuẫn với cách giải thích theo quan điểm của Parsons.

Robert Merton đã đưa ra một quan điểm khác về chức năng. Ông cho rằng không phải mọi hành vi, ý tưởng của con người đều có chức năng tích cực như nó vẫn thường được xem là như vậy. Ông gọi hậu quả của những hành vi dẫn đến phá vỡ sự ổn định của hệ thống là các phản chức năng (disfunction). Do đó, một hành vi, một mục đích có thể dẫn đến sự ổn định trong hệ thống này nhưng lại phá vỡ sự ổn định trong hệ thống khác. Thuyết chức năng của Merton thách thức chúng ta chỉ ra tất cả các chức năng cũng như các phản chức năng cho các hệ thống khác nhau.

Đối với các chức năng của hệ thống, ông còn phân biệt các chức năng biểu hiện (manifest function) và các chức năng tiềm ẩn (latent function). Sự phân biệt cũng tương tự đối với các phản chức năng, tức là so sánh những lực lượng tạo nên sự ổn định của hệ thống và những lực lượng phá vỡ sự ổn định của hệ thống đưa đến một khái niệm mới là hậu quả thuần túy đối với hệ thống (net aggregate of consequences). Nếu như các chức năng mạnh hơn các phản chức năng, điều đó có ý nghĩa là hành vi, ý tưởng hoặc đối tượng đang được nghiên cứu sẽ tồn tại dai dẳng.

Bằng cách đưa ra những khái niệm mới này, thuyết chức năng của Merton không xen xung đột như là những yếu tố bên ngoài hệ thống. Điều quan trọng cần phải nhớ là ý nghĩa xã hội học đặc biệt của các chức năng và các phản chức năng. Kết luận rằng một cái gì đó có chức năng (dẫn đến sự ổn định của hệ thống) không có nghĩa rằng điều đó là tốt theo ý nghĩa đạo đức. Chúng ta phải có những chuẩn mực đạo đức và sử dụng những bằng chứng của phân tích chức năng để thay đổi sự vật và phản ánh những phê phán đạo đức một cách tốt nhất. Không thể thay đổi trật tự của sự vật đơn thuần chỉ bằng sự không tán thành về mặt đạo đức. Những tri thức về sự hoạt động của hệ thống

sẽ làm tăng thêm yếu tố phê phán đối với khả năng của chúng ta trong việc cải tạo thế giới.

Việc ứng dụng mô hình chức năng theo quan niệm của Merton nghiên cứu những hiện tượng xã hội như sự nghèo khổ, tội phạm, nạn mãi dâm v.v... sẽ chỉ ra quan hệ có tính chất cấu trúc của hiện tượng đang nghiên cứu với các hiện tượng xã hội khác, chỉ ra những nguyên nhân. Qua đó con người có thể tác động đến những yếu tố nào trong cấu trúc của hệ thống, hướng của sự tác động, tạo nên sự biến đổi theo hướng mong muốn của con người. Bởi vì bất cứ sự biến đổi xã hội nào, sự phát triển nào cũng đều dẫn tới sự biến đổi có tính chất cấu trúc.